HÒA PHÁT CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ III/2025

THÁNG 10 NĂM 2025

HÒA PHÁT
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**866.501.980.890**	**1.015.072.291.199**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**268.978.079.602**	**319.257.876.941**
Tiền	111		34.078.079.602	46.457.876.941
Các khoản tương đương tiền	112		234.900.000.000	272.800.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**228.767.090.411**	**281.046.575.342**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		228.767.090.411	281.046.575.342
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**301.584.119.389**	**382.019.681.921**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		216.178.214.500	146.311.178.378
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		61.166.545.259	19.125.157.288
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	196.900.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	24.239.359.630	19.683.346.255
Hàng tồn kho	**140**		**13.725.207.267**	**721.931.618**
Hàng tồn kho	141		13.725.207.267	721.931.618
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**53.447.484.221**	**32.026.225.377**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		49.084.986.434	29.956.239.110
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.215.387.985	922.876.465
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.147.109.802	1.147.109.802

HÒA PHÁT
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	**200**		**92.790.942.430.410**	**80.778.004.224.445**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**143.595.000.000**	**23.095.000.000**
Phải thu về cho vay dài hạn	215		139.400.000.000	19.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.3	4.195.000.000	4.095.000.000
Tài sản cố định	**220**		**44.533.164.046**	**67.613.461.560**
Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	37.944.739.690	59.554.496.946
Nguyên giá	*222*		186.932.436.852	186.037.992.716
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		(148.987.697.162)	(126.483.495.770)
Tài sản cố định vô hình	227	V.6	6.588.424.356	8.058.964.614
Nguyên giá	*228*		29.662.833.440	29.362.833.440
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		(23.074.409.084)	(21.303.868.826)
Bất động sản đầu tư	**230**	**V.7**	**82.722.031.792**	**92.443.046.398**
Nguyên giá	*231*		259.227.056.200	259.227.056.200
Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		(176.505.024.408)	(166.784.009.802)
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**6.246.059.750**	**5.560.498.118**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.246.059.750	5.560.498.118
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**92.484.349.440.000**	**80.585.847.420.000**
Đầu tư vào công ty con	251	V.2	92.484.349.440.000	80.585.847.420.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**29.496.734.822**	**3.444.798.369**
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	29.496.734.822	3.444.798.369
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**93.657.444.411.300**	**81.793.076.515.644**

HÒA PHÁT
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**4.824.370.141.059**	**1.012.889.937.592**
Nợ ngắn hạn	**310**		**4.824.370.141.059**	**1.012.889.937.592**
Phải trả người bán ngắn hạn	311		**1.117.870.141.059**	**1.012.889.937.592**
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	20.202.885.533	20.302.825.821
Phải trả người lao động	314		1.080.018.181	11.898.040.627
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.811.870.155	8.110.460.639
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.354.011.835	480.866.916
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	10.505.699.481	3.151.245.281
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.045.115.073.907	938.461.772.585
Nợ dài hạn	**330**		**3.706.500.000.000**	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		3.706.500.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**88.833.074.270.241**	**80.780.186.578.052**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.11**	**88.833.074.270.241**	**80.780.186.578.052**
Vốn cổ phần	411		76.754.658.550.000	63.962.502.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*76.754.658.550.000*	*63.962.502.000.000*
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.388.437.800.829	788.437.800.829
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.689.977.919.412	16.029.246.777.223
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		7.593.656.690.253	5.781.846.305.123
LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		3.096.321.229.159	10.247.400.472.100
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**93.657.444.411.300**	**81.793.076.515.644**

Hưng Yên, ngày 29 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Diệu Linh	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng

M.S.D.N: 0900189284 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
TỈNH HƯNG YÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 3628 2011 | F: 024 3974 7753
www.hoaphat.com.vn

HÒA PHÁT
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm 2025 VND	Quý III năm 2024 VND	9 tháng đầu năm 2025 VND	9 tháng đầu năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	40.005.049.994	108.492.286.847	217.667.930.135	171.053.913.417
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	1.460.500	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		40.005.049.994	108.492.286.847	217.666.469.635	171.053.913.417
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	25.897.940.760	99.188.366.925	152.423.313.521	147.793.685.043
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		**14.107.109.234**	**9.303.919.922**	**65.243.156.114**	**23.260.228.374**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.172.213.373.989	2.949.407.611.107	8.671.926.336.170	8.056.469.091.045
Trong đó: Lợi nhuận công ty con chuyển về			3.094.477.647.604	*2.939.250.960.679*	*8.566.973.979.755*	*8.015.531.132.203*
Chi phí tài chính	22	VI.4	61.072.047.947	-	123.091.009.337	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		61.072.047.947	-	*123.090.206.853*	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	28.934.226.118	31.010.228.566	137.736.430.387	75.238.060.854
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 – 22 -26)	30		**3.096.314.209.158**	**2.927.701.302.463**	**8.476.331.342.934**	**8.004.491.258.565**
Thu nhập khác	31		7.020.001	291.092.848	37.102.137	1.137.581.931
Chi phí khác	32		-	113.431.172	51.027.882	1.205.536.871
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		**7.020.001**	**177.661.676**	**(13.925.745)**	**(67.954.940)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		**3.096.321.229.159**	**2.927.878.964.139**	**8.476.317.417.189**	**8.004.423.303.625**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51)	60		**3.096.321.229.159**	**2.927.878.964.139**	**8.476.317.417.189**	**8.004.423.303.625**

Hưng Yên, ngày 29 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Diệu Linh	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng

M.S.D.N: 0900189284 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT TỈNH HƯNG YÊN

HÒA PHÁT
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm 2025 VND	Quý III năm 2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	**01**		**8.476.317.417.189**	**8.004.423.303.625**
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		33.447.093.756	35.270.847.772
- (Lãi)/ lỗ chênh lệch tỷ giá hoái đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.608.174.705.486)	(8.056.514.524.082)
- Chi phí lãi vay	06		123.090.206.853	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**24.680.012.312**	**(16.820.372.685)**
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(121.704.464.033)	(88.079.619.640)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(13.003.275.649)	(11.081.205.427)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(19.065.602.421)	(7.354.508.906)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(45.180.683.777)	(55.729.066.860)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(105.656.035.620)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(16.980.955.505)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh sản xuất kinh doanh	17		(316.387.713.177)	(265.005.366.109)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	**20**		**(596.317.762.365)**	**(461.051.095.132)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21		(1.880.005.768)	(13.137.865.573)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	1.137.581.009
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.022.767.090.411)	(1.648.946.575.342)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.151.546.575.342	2.925.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.276.000.000.000)	(8.980.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		377.497.980.000	299.997.580.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.611.140.505.863	8.066.426.886.612
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	**30**		**(3.160.462.034.974)**	**650.577.606.706**

HÒA PHÁT
HÒA HỢP CÙNG PHÁT TRIỂN

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025

	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm 2025 VND	Quý III năm 2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		5,314,500,000,000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,608,000,000,000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(98.469.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	**40**		**3.706.500.000.000**	**(98.469.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**(50.279.797.339)**	**189.428.042.574**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**319.257.876.941**	**140.727.541.395**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**V.1**	**268.978.079.602**	**330.155.583.969**

Hưng Yên, ngày 29 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Diệu Linh	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng

M.S.D.N: 0900189284 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT TỈNH HƯNG YÊN

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

2. Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng
- Đầu tư tài chính

3. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

4. Cấu trúc Công ty

• **Danh sách các công ty con**	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
1 **Công ty Cổ phần Gang thép Hòa Phát** Địa chỉ: Số 66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.	99,99%	99,99%
2 **Công ty Cổ Phần Sản phẩm Thép Hòa Phát** Địa chỉ: Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, P.Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	99,99%	99,99%
3 **Công ty Cổ Phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát** Địa chỉ: Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	94,99%	94,99%
4 **Công ty Cổ phần phát triển Bất động sản Hòa Phát** Địa chỉ: Số 66 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.	99,90%	99,90%
5 **Công ty Cổ phần Điện máy Gia dụng Hòa Phát** Địa chỉ: Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam	99,90%	99,90%

- **Danh sách các đơn vị trực thuộc**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Hà Nội
Địa chỉ: Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, P.Lê Đại Hành, Q.Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Đà Nẵng
Địa chỉ: Số 171 Trường Chinh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại TP Hồ Chí Minh
Địa chỉ: Số 643 Điện Biên Phủ, P.25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

II. Kỳ kế toán. đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các khoản mục tài sản có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được qui đổi sang VND theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản mục nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được qui đổi sang VND theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND được qui đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(b) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): Khấu hao được tính theo phương pháp khấu hao theo đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên dới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông: Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận bằng giá phát hành sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(b) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(c) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	1.640.870.584	383.305.265
Tiền gửi ngân hàng	32.437.209.018	46.074.571.676
Các khoản tương đương tiền	234.900.000.000	272.800.000.000
Cộng	**268.978.079.602**	**319.257.876.941**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. Đầu tư vào công ty con

Công ty con	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
• Công ty CP Gang thép Hòa Phát	69.565.220.000.000	-	61.609.220.000.000	-
• Công ty CP Sản phẩm Thép Hòa Phát	8.799.650.000.000	-	8.379.650.000.000	-
• Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	2.422.479.440.000	-	2.799.977.420.000	-
• Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát	10.598.000.000.000	-	6.798.000.000.000	-
• Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát	1.099.000.000.000	-	999.000.000.000	-
	92.484.349.440.000	-	**80.585.847.420.000**	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. Phải thu khác

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác – ngắn hạn				
Lãi phải thu	6.784.595.844	-	9.885.086.632	-
Phải thu người lao động	1.483.669.383	-	1.210.345.525	-
Phải thu khác	15.971.094.403	-	8.587.914.098	-
Cộng ngắn hạn	**24.239.359.630**	**-**	**19.683.346.255**	**-**
Phải thu khác – dài hạn				
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	4.195.000.000	-	4.095.000.000	-
Cộng dài hạn	**4.195.000.000**	**-**	**4.095.000.000**	**-**

4. Hàng tồn kho

	30/09/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	179.154.341	-	-	-
Công cụ và dụng cụ	179.571.098	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.366.481.828	-	-	-
Cộng	**13.725.207.267**	**-**	**-**	**-**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 3628 2011 | F: 024 3974 7753
www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
		VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 01/01/2025	5.687.295.643	6.706.912.418	79.181.378.429	94.462.406.226	186.037.992.716
- Tăng do mua	-	715.508.581	-	178.935.555	894.444.136
- Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/09/2025	5.687.295.643	7.422.420.999	79.181.378.429	94.641.341.781	186.932.436.852
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2025	3.926.210.525	5.345.455.260	46.396.169.161	70.815.660.824	126.483.495.770
- Khấu hao trong kỳ	426.547.836	492.229.233	7.931.154.497	13.654.269.826	22.504.201.392
- Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/09/2025	4.352.758.361	5.837.684.493	54.327.323.658	84.469.930.650	148.987.697.162
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2025	1.761.085.118	1.361.457.158	32.785.209.268	23.646.745.402	59.554.496.946
Tại ngày 30/09/2025	1.334.537.282	1.584.736.506	24.854.054.771	10.171.411.131	37.944.739.690

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2025	**2.755.408.500**	**26.607.424.940**	**29.362.833.440**
- Tăng do mua	-	300.000.000	**300.000.000**
Số dư tại ngày 30/09/2025	**2.755.408.500**	**26.907.424.940**	**29.662.833.440**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2025	-	**21.303.868.826**	**21.303.868.826**
Khấu hao trong kỳ	-	1.770.540.258	**1.770.540.258**
Số dư tại ngày 30/09/2025	-	**23.074.409.084**	**23.074.409.084**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	**2.755.408.500**	**5.303.556.114**	**8.058.964.614**
Tại ngày 30/09/2025	**2.755.408.500**	**3.833.015.856**	**6.588.424.356**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư ngày 01/01/2025	**259.227.056.200**
Số dư ngày 30/09/2025	**259.227.056.200**
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư ngày 01/01/2025	**166.784.009.802**
- Khấu hao trong kỳ	9.721.014.606
Số dư ngày 30/09/2025	**176.505.024.408**
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2025	**92.443.046.398**
Tại ngày 30/09/2025	**82.722.031.792**

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ dụng cụ	Chi phí sửa chữa văn phòng và nhà xưởng	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2025	**988.597.413**	**2.217.330.843**	**238.870.113**	**3.444.798.369**
Tăng trong kỳ	311.152.085	713.677.391	6.213.400.000	7.238.229.476
Chuyển từ xây dựng cơ bản	-	24.637.455.360	-	24.637.455.360
Phân bổ trong kỳ	(846.906.418)	(4.628.885.714)	(347.956.251)	(5.823.748.383)
Số dư tại ngày 30/09/2025	**452.843.080**	**22.939.577.880**	**6.104.313.862**	**29.496.734.822**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 3628 2011 | F: 024 3974 7753
www.hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025 VND		Số phải nộp/bù trừ trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/09/2025 VND	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	425.650.100	9.141.010.445	10.536.629.901	(19.465.095.483)	425.650.100	212.544.863
Thuế thu nhập doanh nghiệp	721.459.702	-		-	721.459.702	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập	-		106.469.002	(106.469.002)	-	-
Thuế nhập khẩu	-		43.467	(43.467)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.757.030.182	49.088.586.631	(50.978.143.495)	-	867.473.318
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	-	13.004.158	(13.004.158)	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	503.142.305	(503.142.305)	-	-
Các loại thuế, phí khác	-	-	8.020.000	(8.020.000)	-	-
Cộng	**1.147.109.802**	**11.898.040.627**	**60.255.895.464**	**(71.073.917.910)**	**1.147.109.802**	**1.080.018.181**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. Phải trả khác

	30/09/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả khác ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	17.434.171.233	-
Phải trả cổ tức	751.793.631	751.793.631
Các khoản phải trả khác	16.614.617.103	29.732.932.092
Cộng	**34.800.581.967**	**30.484.725.723**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
VPGD: 66 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 3628 2011 | F: 024 3974 7753
www.hoaphat.com.vn

10. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	**58.147.857.000.000**	**3.211.560.416.270**	**8.650.680.888.853**	**790.996.872.665**	**70.801.095.177.788**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	10.247.400.472.100	-	10.247.400.472.100
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	5.814.645.000.000	(3.211.560.416.270)	(2.603.084.583.730)	-	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-
Chi quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(2.559.071.836)	(2.559.071.836)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi, thù lao thành viên hội đồng quản trị	-	-	(265.750.000.000)	-	(265.750.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	**63.962.502.000.000**	-	**16.029.246.777.223**	**788.437.800.829**	**80.780.186.578.052**
Tại ngày 01/01/2025	**63.962.502.000.000**	-	**16.029.246.777.223**	**788.437.800.829**	**80.780.186.578.052**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	8.476.317.417.189	-	**8.476.317.417.189**
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-
Phân bổ quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(203.429.725.000)	-	**(203.429.725.000)**
Phân bổ quỹ khen thưởng ban điều hành và thù lao thành viên hội đồng quản trị	-	-	(220.000.000.000)	-	**(220.000.000.000)**
Trích quỹ	-	-	(600.000.000.000)	600.000.000.000	-
Tại ngày 30/09/2025	**63.962.502.000.000**	-	**23.482.134.469.412**	**1.388.437.800.829**	**88.833.074.270.241**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Cổ phiếu

	30/09/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.396.250.200	6.396.250.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	6.396.250.200	6.396.250.200
Số lượng cổ phiếu thu hồi làm cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*6.396.250.200*	*6.396.250.200*
** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành*	*10.000*	*10.000*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý III năm 2025 VND	Quý III năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.005.049.994	108.492.286.847
Cộng	**40.005.049.994**	**108.492.286.847**

2. Giá vốn hàng bán

	Quý III năm 2025 VND	Quý III năm 2024 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	25.897.940.760	99.188.366.925
Cộng	**25.897.940.760**	**99.188.366.925**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III năm 2025 VND	Quý III năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.985.438.314	10.156.650.428
Lợi nhuận Công ty con chuyển về	3.094.477.647.604	2.939.250.960.679
Lãi CLTG đã thực hiện	288.071	-
Lãi CLTG chưa thực hiện	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác.	63.750.000.000	-
Cộng	**3.172.213.373.989**	**2.949.407.611.107**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. Chi phí tài chính

	Quý III năm 2025 VND	Quý III năm 2024 VND
Chi phí đi vay	61.072.047.947	-
Cộng	**61.072.047.947**	**-**

5. Thu nhập khác

	Quý III năm 2025 VND	Quý III năm 2024 VND
Thu nhập từ thanh lý TSCD	-	291.092.848
Thu nhập khác	7.020.001	-
Cộng	**7.020.001**	**291.092.848**

6. Chi phí khác

	Quý III năm 2025 VND	Quý III năm 2024 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư đã thanh lý và xóa sổ	-	113.431.172
Cộng	**-**	**113.431.172**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý III năm 2025 VND	Quý III năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	5.118.927.635	6.165.602.418
Chi phí khấu hao và phân bổ	8.116.770.975	10.956.856.137
Chi phí bằng tiền khác	15.698.527.508	13.887.770.011
Cộng	**28.934.226.118**	**31.010.228.566**

VII. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH

Lợi nhuận sau thuế Công ty **Quý III năm 2025** là 3.096 tỷ đồng, tăng 168 tỷ so với cùng kỳ năm 2024 (**Quý III năm 2024** là 2.928 tỷ đồng) chủ yếu nhờ lợi nhuận công ty con chuyển về tăng 155 tỷ đồng.

Hưng Yên, ngày 29 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Diệu Linh	Phạm Thị Kim Oanh	Nguyễn Việt Thắng